

Số: 685 /QĐ - BVCTCH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị
Thuộc dự toán: Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2016;

Căn cứ Quyết định số 3377/QĐ-UB ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Ủy Ban Nhân dân Tp.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chính hình trực thuộc Sở Y tế TPHCM;

Căn cứ Quyết định số 4626/QĐ-SYT ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Sở Y tế Về việc duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-BVCTCH ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018-2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Bên mời thầu Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình Về việc thành lập Tổ thẩm định Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ chuyên gia Các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;



Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BVCTCH ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2019;

Xét Báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tổ chuyên gia, Tờ trình thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất kỹ thuật ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định kết quả đánh giá kỹ thuật ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình, Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018-2019;

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Biệt dược gốc hoặc tương đương điều trị thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2018-2019 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình bao gồm:

1. Bảng tổng hợp các sản phẩm dự thầu đạt điểm kỹ thuật: đính kèm phụ lục TH-2C.

2. Bảng tổng hợp các sản phẩm dự thầu không đạt điểm kỹ thuật: đính kèm phụ lục TH-2D.

Điều 2. Quyết định này là căn cứ pháp lý để Bên mời thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và tổ chức thực hiện đấu thầu theo đúng qui định Luật đấu thầu. *Ullu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KD (3b).

Đại diện hợp pháp Bên mời thầu
GIÁM ĐỐC



BS. Châu Văn Đính



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GỐC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
BDG																			
1	1	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) và Natri chloride	Voluven -Pe Bag Sol 6% 500ml	Voluven 6 %	VN-19651-16	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g/500ml và Natri chloride 4,5g/500ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi Polyole fine (freeflex) 500ml; Thùng 20 túi Polyole fine (freeflex) 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
2	2	Acid Zoledronic (dưới dạng acid zoledronic monohydrat)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta	VN-19294-15	5mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiêm	Chai	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
3	3	Adalimumab	Humira Inj 40mg/0.8ml 2's	Humira (Cơ sở xuất xưởng: AbbVie Biotechnology GmbH; Địa chỉ: Knollstr. 67061 Ludwigshafen, Germany)	QLSP-951-16	40mg/0,8 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vi x 1 xy lạnh đóng sẵn thuốc và 1 miếng vải tẩm cồn	Tiêm	Bơm tiêm	CSSX: Vetter Pharma Fertigung GmbH & Co. KG.; CS xuất xưởng: AbbVie Biotechnology GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

ulu na
1/17

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	4	Amiodarone hydrochloride	Cordarone 150mg/3ml		VN-20734-17	150mg/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 3ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
5	5	Amoxicillin Sodium; Clavulanate Potassium	Augmentin Inj 1.2g 10's	Augmentin Injection	VN-8713-09	1g Amoxicillin; 200mg acid clavulanic	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ thuốc bột pha dung dịch tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Lọ	SmithKline Beecham plc	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
6	6	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri); Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri),	Unasyn Inj 1500mg 1's	Unasyn	VN-20843-17	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0,5g; Ampicillin (dưới dạng Ampicillin Natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm, truyền	Hộp 1 lọ	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
7	7	Atracurium besylate	Tracrium 25mg/2.5ml 5's	Tracrium	VN-18784-15	25mg/2,5 ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống 2,5ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
8	8	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2.5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Merck KGaA; đóng gói bởi Merck KGaA & Co., Werk Spittal	CSSX: Đức, đóng gói: Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
9	9	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj. 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
10	11	Cefoperazone (dưới dạng Cefoperazone natri)	Cefobid Inj 1g 1's	Cefobid	VN-21327-18	1g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 1g	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
11	12	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pfizer Pharmaceutic als LLC; đóng gói: R-Pharm Germany GmbH	CSSX: Mỹ; Đóng gói: Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
12	13	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 110mg Cap B/30	Pradaxa	VN-16443-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 5306/QLD-ĐK NGÀY 10/04/2019)	110 mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

Ullie me

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
13	14	Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	Pradaxa 75mg Cap B/30	Pradaxa	VN-17271-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 5306/QLD-ĐK NGÀY 10/04/2019)	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
14	15	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm	Ống	A.Menarini Manufacturing Logistics and Service S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
15	16	Diclofenac diethylamine	Voltaren Emulgel		VN-17535-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 19996/QLD-ĐK NGÀY 22/10/2018)	1.16/100g	Gel bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp 20g	Ngoài da	Tuýp	Novartis Consumer Health SA	Thụy Sĩ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
16	18	Diclofenac natri	Voltaren 75mg/3ml Inj 3ml 1x5's	Voltaren 75mg/3ml	VN-20041-16	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	Tiêm	Ống	Lek Pharmaceutic als d.d.	Slovenia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT



STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
17	19	Enoxaparin Natri	Lovenox 40mg/ 0,4ml	Lovenox	QLSP-892-15	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/ 0,4ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,4ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
18	20	Enoxaparin Natri	Lovenox 60mg/ 0,6ml	Lovenox	QLSP-893-15	6000 anti-Xa IU/0,6ml tương đương 60mg/ 0,6ml	Dung dịch tiêm đóng sẵn trong bơm tiêm	Hộp 2 bơm tiêm đóng sẵn 0,6ml	Tiêm dưới da	Bơm tiêm	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT
19	21	Ertapenem (dưới dạng Ertapenem natri)	Invanz Inj 1g 1's	Invanz	VN-20315-17	1g	Thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Hộp 1 lọ 15ml hoặc 20ml chứa 1g bột	Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Lọ	Laboratoires Merck Sharp & Dohme - Chibret	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

Uly me

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
20	22	Etoricoxib	Arcoxia Tab 120mg 30's	Arcoxia 120mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20808-17	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Frosst Iberica S.A.; Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd.	CSSX: Tây Nha; Đóng gói và xuất xưởng: Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
21	23	Etoricoxib	Arcoxia Tab 60mg 30's	Arcoxia 60mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20809-17	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Frosst Iberica S.A.; Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd.	CSSX: Tây Nha; Đóng gói và xuất xưởng: Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
22	24	Etoricoxib	Arcoxia Tab 90mg 30's	Arcoxia 90mg (Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd., Địa chỉ: Shotton Lane, Cramlington, Northumb erland, NE23 3JU, United Kingdom (Anh))	VN-20810-17	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Frosst Iberica S.A.; Đóng gói và xuất xưởng: Merck Sharp & Dohme Ltd.	CSSX: Tây Ban Nha; Đóng gói và xuất xưởng: Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
23	25	Floctafenin	IDARAC (SX THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARM S.A-FRANCE)	IDARAC (SX THEO NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A-FRANCE)	VD-22313-15	200mg	Viên nén	Hộp 2 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

Ull

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
24	26	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH; địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Mỹ; đóng gói: Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
25	29	Infliximab	Remicade 100mg B/1	Remicade (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V; Địa chỉ: Einsteinweg 101, 2333 CB Leiden, Hà Lan)	QLSP-970-16	100mg	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Hộp 1 lọ x 100mg	Tiêm	Lọ	Cilag AG (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V.)	Thụy Sĩ (xuất xưởng: Hà Lan)	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
26	30	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate) + Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Combivent 2,5mg + 0,5mg B/10	Combivent	VN-19797-16	0,5mg +2.5mg	Dung dịch khí dung	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Dạng hít	Lọ	Laboratoire Unither	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
27	32	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 10% E	Aminoplasmal B.Braun 10% E	VN-18160-14	10% (Mỗi 250ml chứa: 1,25g + 2,225g + 1,7125g + 1,10g + 1,175g + 1,05g+ 0,40g + 1,55g; 2,875g + 0,75g + 2,625g + 3,00g + 1,40g + 1,80g + 1,375g + 0,575g + 0,10g + 0,7145g + 0,09g + 0,61325g + 0,127g + 0,89525g.)	E Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

Ulc Nua



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môi thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
28	33	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate.	Aminoplasmal B.Braun 5 % E		VN-18161-14	5% (Mỗi 250ml chứa: 0,625g+ 1,1125g + 0,8575g+ 0,55g+ 0,5875g+ 0,525g+ 0,20g+ 0,775g+ 1,4375g+ 0,375g+ 1,3125g+ 1,50g+ 0,70g+ 0,90g+ 0,6875g+ 0,2875g+ 0,10g+ 0,34025g+ 0,035g+ 0,61325g+ 0,241g+ 0,127g+ 0,89525g.)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	91,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
29	34	Levobupivacaine (dưới dạng Levobupivacaine hydrochloride)	Chirocaine 5mg/ml Ampoule 10x10ml	Chirocaine (Đóng gói: Abbvie S.R.L, địa chỉ: S.R.148 Pontina km 52, SNC. 04011 Campover de Di Aprilia (LT) - Italy)	VN-20363-17	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Levobupivacaine (dưới dạng Levobupivacaine hydrochloride) 5mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm	Ông	CSSX: Curida AS.; CS đóng gói: Abbvie S.R.L - Italy	CSSX: Na Uy, đóng gói: Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
30	35	Loxoprofen sodium hydrate	Japrox Tab 60mg 20's	Japrox	VN-15416-12	60mg Loxoprofen sodium	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Daiichi Sankyo Propharma Co., Ltd., Hiratsuka Plant; đóng gói: OLIC (Thailand) Limited	CSSX: Nhật Bản; đóng gói: Thái Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
31	37	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Solu-Medrol Inj 500mg 1's	Solu - Medrol	VN-20331-17	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ 500mg và 1 lọ dung môi pha tiêm 7,8ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
32	38	Methylprednisolone Hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolon	Bột vô khuẩn pha tiêm	Hộp 25 lọ Act-O-Vial 2 ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

11/17

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
33	39	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides 10,0g + Soya-bean oil, refined 8,0g + Omega-3-acid triglycerides 2,0g	Lipidem	Lipidem	VN-20656-17	Mỗi 100ml chứa: Medium-chain Triglycerides 10,0g + Soya-bean oil, refined 8,0g + Omega-3-acid triglycerides 2,0g	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai 250ml	Tiêm	Chai	B. Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DP TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
34	40	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
35	41	Cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil)	Zinnat Sus Sac 125mg/5ml 10's	Zinnat Suspension	VN-20513-17	Mỗi gói 4,220g chứa cefuroxim (dưới dạng cefuroxim axetil) 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 4,220g	Uống	Gói	Glaxo Operations UK Limited	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
36	42	Muối natri của acid Hyaluronic	Hyalgan inj. 20mg/2ml	Hyalgan	VN-11857-11 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 22829/QL D-ĐK NGÀY 13/12/2018)	20mg/2ml	Dung dịch tiêm trong khớp	Hộp 1 ống tiêm bơm đẩy sẵn 2 ml	Tiêm	Ống	Fidia Farmaceutici S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
37	43	Natri diclofenac	Voltaren Tab 75mg 10x10's	Voltaren	VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
38	44	Paracetamol	Perfalgan		VN-19071-15	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Gói 12 lọ x 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Bristol-Myers Squibb S.r.l	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
39	45	Pregabalin	Lyrica Cap 75mg 56's	Lyrica	VN-16347-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
40	46	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCl)	Zantac Inj 25mg/ml 5x2ml	Zantac Injection	VN-20516-17	25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Ống	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
41	47	Rivaroxaban	Xarelto Tab 10mg 10's	Xarelto	VN-13506-11	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Bayer Pharma AG	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
42	48	Rocuronium bromide	Esmeron 50mg Via 10mg/ml 10's	Esmeron (Đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon; đ/c: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Lọ	CSSX: Hameln Pharmaceutics GmbH; CS đóng gói & xuất xưởng: N.V. Organon	CSSX: Đức, CS đóng gói và xuất xưởng: Hà Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
43	49	Ropivacain HCl (dưới dạng Ropivacain HCl monohydrat)	Anaropin Inj. 2mg/ml 20ml 5's	Anaropin	VN-19003-15	2mg/ml	Dung dịch tiêm/truyền quanh dây thần kinh, ngoài màng cứng	Hộp 5 ống tiêm 20ml	Tiêm	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
44	50	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	Ventolin Inh 100mcg 200Dose	Ventolin Inhaler (CS đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: GlaxoSmithKline Australia Pty. Ltd, địa chỉ: 1061 Moutain Highway, Boronia, 3155 Vitoria, Australia)	VN-18791-15	100mcg/liều u xịt	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Xịt theo đường miệng	Bình xịt	CSSX: Glaxo Wellcome SA; CS đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: GlaxoSmithKline Australia Pty. Ltd	CSSX: Tây Ban Nha, CS đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
45	51	Sevofluran	Sevorane Sol 250ml 1's	Sevorane	VN-19755-16	100% v/v	Dung dịch hít	Hộp 1 lọ 250ml	Gây mê qua đường hô hấp	Chai	Aesica Queenborough Limited	Anh	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
46	52	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	Bridion Inj 100mg/ml 10's 2ml	Bridion (CS đóng gói: N.V.Organon; Đ/C: Kloosterstraat 6, 5349 AB Oss, The Netherlands	VN-21211-18	100mg/ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 2ml	Tiêm	Lọ	CSSX: Patheon Manufacturing Services LLC; CS đóng gói: N.V.Organon	CSSX: Mỹ, CS đóng gói: Hà Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	93,00	ĐẠT	ĐẠT
47	53	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosylate dihydrate)	Unasyn Tabs 750mg 2x4's	Unasyn	VN-20844-17	750mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
48	54	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
49	55	Ticoplanin	Targosid	Targosid	VN-19906-16	400mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Tiêm truyền	Lọ	Sanofi S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

15/17

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
50	56	Thiocolchicoside	COLTRAM YL 4MG (SX NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A; PHÁP)	COLTRAM YL 4MG (SX NHƯỢNG QUYỀN CỦA AVENTIS PHARMA S.A; PHÁP)	VD-22638-15	4mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 12 viên	Uống	Viên	Công ty Roussel Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
51	57	Tocilizumab	Actemra 200mg 10ml Vial B/1	Actemra (Đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugst, Switzzeland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Hộp 1 lọ 10ml	Tiêm truyền	Lọ	CSSX: Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd; đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd.	CSSX: Nhật, đóng gói: Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	92,00	ĐẠT	ĐẠT
52	58	Tramadol HCl + Paracetamol	Ultracet 37,5mg + 325mg Tab B/30	Ultracet	VN-16803-13 (CÓ CV GIA HẠN SỐ 13866/QL D-ĐK NGÀY 19/07/2018)	37.5mg + 325mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Janssen Korea Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
53	59	Tranexamic Acid	Transamin Injection		"VN-11004 -10(CÓ CV GIA HẠN SDK VÀ TỒN KHO)"	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Olic Ltd.	Thái Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHÚ THỌ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

Tổng số sản phẩm đánh giá : 55

Tổng số sản phẩm ĐẠT : 53

Uuu Nu

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C

Ngày 30 Tháng 8 Năm 2019

TỔ TRƯỞNG TÒ CHUYÊN GIA

PHÓ GIÁM ĐỐC



HOÀNG MẠNH CƯỜNG





BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

GÓI THẦU THUỐC BIỆT DƯỢC GÓC HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG ĐIỀU TRỊ

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
BDG																			
1	17	Diclofenac Sodium	Voltaren 50 Tab 50mg 10x10's	Voltaren 50	VN-13293-11	50mg	Viên nén không tan trong dạ dày	Hộp 10 viên	Uống	Viên	Novartis Sağlık Gıda Ve Tarım Urunleri San. Ve Tic.A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)
2	27	Glucosamine Sulfate	Viartril-S		VN-14800-12	1500mg	bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Rottapharm Ltd.	Ireland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	0,00	K.ĐẠT	K.ĐẠT (KHÔNG PHÙ HỢP VỚI GÓI THẦU)

Tổng số sản phẩm đánh giá : 55

Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT : 2

- Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT do KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT :

- Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT do KHÔNG PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU HOẶC LÔ THẦU : 2

- Tổng số sản phẩm KHÔNG ĐẠT do KHÔNG PHÙ HỢP VỚI HÀNG MẪU :

Ngày Tháng Năm 2019

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA
PHÓ GIÁM ĐỐC



